

Trong một chừng mực nào đó hiệu quả thu gom và vận chuyển rác trong thời gian gần đây có tăng lên. Nếu như khối lượng rác vận chuyển năm 90 là 310.214 tấn, năm 1991 là 1.182,6 tấn thì năm 1992 đã đạt đến 3.406,2 tấn, tăng 98,7% so với năm 90 và 25,5% so với năm 1991.

Nếu chỉ tính riêng số dân nội thành cuối năm 1992 là 3,13 triệu người và lấy khối lượng rác giải quyết được trong năm 1992 làm mức cao nhất, ta có thể thấy ngay một con số vô lý là hàng ngày mỗi người dân ở xã 0,53 ký rác. Trong khi đó theo ống kê của Ngân hàng thế giới, các thành phố công nghiệp có số dân từ 1 triệu trở lên, mỗi người phải xả ra bình quân 2 kg rác/ngày, và TP.HCM dù với tốc độ phát triển công nghiệp thấp cũng không ít nhất phải có chỉ số 1kg/c/người/ngày. Như vậy cho đến năm 1992 chúng ta mới chỉ giải quyết được khoảng 53% khối lượng rác, 47% còn lại đi đâu và vì sao còn tồn tại một khối lượng rác quá lớn như vậy? Đó là một vấn đề hết sức nan giải mà tôi xin được trình bày dưới đây:

Trước năm 1975, lực lượng vệ sinh nội thành được thống nhất một đầu mối là Sở vệ sinh (dưới sự chỉ đạo của Ủy ban đô chánh), với 12 khu vệ sinh ở 11 quận nội thành và khu 12 thuộc Gia Định.

Sau 30.4.1975, ngành vệ sinh vẫn thống nhất một đầu mối là Sở vệ sinh thuộc Ban quân quản. Tuy vậy đến năm 1982 do tình hình kinh tế khó khăn và cơ cấu kinh tế ở xu hướng chia nhỏ về cho các hợp tác xã, ngành vệ sinh cũng được phân cấp về cho các quận huyện theo quyết định số 07/QĐ-UB ngày 12.6.1992 do Phó Chủ tịch UBND TP Lê Đình Nhơn ký, giao quận huyện có trách nhiệm quét gom rác trên địa bàn quản mình đưa về các bãi rác, và Công ty Dịch vụ công cộng có trách nhiệm vận chuyển từ bãi rác đến nơi xử lý ở ngoại thành.

Có thể vào thời điểm năm 1982 đây là một quyết định mang tính hợp lý. Nhưng từ cuối năm 1985 trở lại đây, tình hình VN bắt đầu phục hồi và phát triển, mà trong một nền kinh tế phát triển đa dạng và phức tạp, nguyên tắc quản lý và điều hành tập trung luôn luôn được lấy làm trọng điểm. Việc phân cấp hoạt động cũng như xé nhỏ các chức năng đã dẫn đến những hậu quả:

1. Tại nhiều nơi, rác thu gom bị vứt đầy giữa địa giới hành chánh các quận huyện, hình thành nên những "bãi rác" hoàn toàn lộ thiên mà không ai có trách nhiệm giải quyết.

2. Như trên đây đã phân tích sơ bộ, hiện nay còn khoảng 30-50% khối lượng rác không thu gom được do dân

vứt bỏ xuống kinh rạch. Tại các cầu Lê Văn Sỹ, Bùi Hữu Nghĩa... rác đang ngập dần và ứ đọng ở đầm cầu gây "tải trọng phụ" cho cầu.

3. Khẩu thu gom và vận chuyển không thống nhất. Công ty Dịch vụ công cộng ký hợp đồng thu gom với các quận, nhưng tùy vào mối quan hệ tốt hay không mà lực lượng thu gom quận phối hợp đúng hay không đúng thời gian ở các bãi rác hoặc diêm hện. Do

THỐNG NHẤT BỘ MÁY QUẢN LÝ VÀ HOẠT ĐỘNG VỆ SINH RÁC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

PHẠM CHÍ DỨNG
Sở giao thông công chánh

vậy có nhiều trường hợp xe tay thu gom tới điểm hẹn rất sớm hoặc rất trễ, không chờ xe cơ giới mà đổ thẳng xuống đường, hoặc cho dù có thấy xe ép rác bên này đường nhưng vẫn thân nhiên chờ rác qua bên kia đường đổ.

4. Việc bố trí công nghệ mới và đồng bộ gặp nhiều khó khăn. Hiện nay mỗi đơn vị có một công nghệ riêng, sang trọng là dùng xe ép 7 tấn, còn nghèo thì dùng cả xe lam. Có những nơi tình trạng kỹ thuật xe chỉ còn 34%, hệ số dự trữ xe chỉ bằng 1. Rác đổ xuống đất rồi mới xúc lên xe tải hay đưa thẳng vào xe ép thông qua cang xe tay? Bỏ các bãi rác thành phố nhưng có cần phải duy trì bộ trung chuyển (nơi thu chứa) tại mỗi quận không? Thu gom như thế nào là hợp lý: theo thùng, theo giờ, theo hộ dân hay theo kèng báo hiệu?

Đó là những vấn đề hóc búa được đặt ra một khi không thống nhất bộ máy.

5. Chế độ thu nhập các lực lượng thu gom, quét đường, xúc và vận tải ở mỗi nơi một khác cũng gây ra bất bình và kiện cáo. Đối với các quận huyện, phần kinh phí ngân sách được rót thẳng cho quận huyện thông qua Sở Tài chánh và Ngân hàng, trong đó đã hạch toán rõ phần lương. Tuy nhiên có nơi thu nhập 700-800 ngàn đồng/người/tháng, còn có nơi chỉ 200-300 ngàn đồng/người/tháng.

6. Thu phí vệ sinh không đồng nhất và thất thu nhiều. Theo qui định của Ban vật giá TP, Sở GTCC và Sở Tài chánh, mức thu phí rác hàng tháng chỉ có 2.000đ/hộ, trong khi thực tế nhiều hộ phải đóng 3.000-5.000đ. Tuy vậy ở các khu vực đơn vị quân đội, rác được xả khá bừa bãi và thu phí vệ sinh có thể coi như bằng không.

7. Nhiều trường hợp rác đổ bừa bãi xuống đường, cống thoát nước và kinh rạch nhưng lực lượng thanh tra

GTCC rất khó kết hợp với quận huyện để xử lý, và càng khó xử lý hơn khi xí nghiệp công trình đô thị lại trực thuộc quận huyện và gần như không chịu sự quản lý của ai khác.

8. Với các yếu tố trên, quản lý nhà nước ngày càng bị buông lỏng. Các xí nghiệp công trình đô thị quận huyện ngày càng ít thông tin (không có thuật ngữ "báo cáo") cho Sở GTCC, do đó Sở không nắm được thực chất hoạt động

ở các đơn vị ra sao. Đây là một mâu thuẫn lớn giữa quản lý ngành và quản lý địa phương. Do vậy khi có bất kỳ một phát sinh nào đó hầu như không có một bộ phận tổng hợp nào đúc kết các đề xuất kiến nghị tới UBND TP. Việc không thống nhất được quản lý là một nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng rác tồn đọng mà không được xử lý.

Hiện nay ở Hà Nội khối lượng rác bình quân người/ngày khoảng 1,3kg, còn Hải Phòng dù là thành phố nhỏ cũng đạt đến 0,6 kg. Cả hai nơi này việc tổ chức công tác vệ sinh rác đều được thống nhất một đầu mối, công ty vệ sinh chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Sở GTCC, vẫn giữ vai trò chỉ đạo quốc doanh trong việc giải quyết rác, bên cạnh đó giao thầu lại cho một số đơn vị quận huyện và tư nhân thu gom. Nhờ việc tài chánh được tập trung một mối, các đơn vị khác hoạt động có trách nhiệm cao hơn và đạt hiệu quả tốt hơn.

Trong thời gian sắp tới khối lượng rác sẽ tăng cao do tốc độ tăng trưởng lớn của vấn đề đô thị hóa và phát triển công nghiệp, xây dựng ở TP.HCM. Con số rác bình quân đầu người/ngày sẽ không chỉ dừng lại 1 kg mà sẽ tăng lên 1,5 - 2kg. Việc thống nhất bộ máy quản lý và hoạt động vệ sinh rác hết sức cần thiết, và cần đáp ứng được yêu cầu nhận, phân bổ và quản lý viện trợ nước ngoài cho vệ sinh môi trường. UBND TP nên xem xét kỹ lưỡng và nhanh chóng quyết định phương án để Sở GTCC làm đầu mối tập trung quản lý ngành vệ sinh công cộng đối với tất cả các đơn vị vệ sinh trên địa bàn TP, ký hợp đồng với các đơn vị. Nguồn tài chánh, thông qua Sở Tài chánh, sẽ được giao trực tiếp cho Sở GTCC quản lý và sau đó phân bổ cho Công ty dịch vụ công cộng và các đơn vị khác. Chắc chắn phương án này sẽ giải quyết được một phần lớn các tồn tại nêu trên. ♣